

HOÀI NIỆM CHÙA BÁO ÂN QUA TỌM ỌNH NGƯỜI PHÁP CHỤP 150 NĂM TRƯỚC

HOÀI NIỆM CHÙA BÁO ÂN QUA TỌM ỌNH NGƯỜI PHÁP CHỤP 150 NĂM TRƯỚC

Ọnh: Chùa Báo Ân năm 1884 (bác sĩ người Pháp – Hocquard chụp lại)



Chùa Báo Ân mang trong mình nhiều kỷ lục nhưng đó cũng chính là ngôi chùa được cho là “đoạn mệnh”, chỉ tồn tại vài chục năm sau khi được khánh thành với quy mô lớn. Duy nhất còn sót lại đến ngày nay chính là tháp Hòa Phong nằm bên bờ hồ Hoàn Kiếm – Hà Nội.

Công trình chùa Báo Ân lớn bậc nhất kinh kỳ thế kỷ 19, không chỉ là một công trình mang dấu ấn nhà Nguyễn, mà còn là nét lịch sử văn hóa, kiến trúc Phật giáo độc đáo, tiêu biểu cho dòng tư tưởng “cư Nho mộ Thích” (học hành theo đạo Nho nhưng

vạn chuông theo đạo Phật) thời bấy giờ. Tòa tháp Báo Ân ở chùa Bằng (Thịnh Liệt, Hoàng Mai), nơi được xác lập hai kỷ lục Phật giáo Việt Nam: Tháp Phật giáo cao nhất Việt Nam và Tháp có nhiều tượng Phật bằng đồng nhất Việt Nam – cũng chính là hướng dẫn di tích chùa Báo Ân thuở trước. Tất cả đều nhằm nói lên tinh thần cứu khổ, ban vui của Bồ Tát Quán Thế Âm cho tất cả chúng sinh trong thế giới.

Ngôi tháp nhuộm màu rêu phong nằm trên bờ hồ Hoàn Kiếm phía đường Đinh Tiên Hoàng, dường như là một điểm nhấn ở kính giữa lòng Hà Nội hoa lệ. Nhiều du khách đến Hà Nội không khỏi ngỡ ngàng trước ngôi tháp cổ duyên dáng, nhiều người nghĩ rằng tháp là một trong những tác phẩm nghệ thuật xưa nằm trong quần thể Tháp Rùa – Hồ Gươm. Nhưng ít ai biết rằng ngôi tháp cổ này có một cái tên riêng biệt là tháp Hòa Phong và không hề nằm trong quần thể Tháp Rùa. Tháp Hòa Phong vốn gắn liền với quần thể chùa Báo Ân xưa, ngôi chùa lớn bậc nhất Hà thành thế kỷ 19. Tháp Hòa Phong bây giờ là di tích duy nhất còn sót lại đến ngày nay của quần thể bờ hồ một thời vàng son.

Theo ghi chép:

” Nơi đây vốn là phạm vi của khu vực lưu Ngũ Long do chúa Trịnh Doanh (1740-1767) cho dựng để làm nơi hóng mát tíu hè. Để xóa bỏ tàn tích của chúa Trịnh, năm 1787, Lê Chiêu Thống đã ra lệnh đốt phá chùa và những gì có liên quan.”

Chùa Báo Ân xưa được xây dựng trên bờ phía đông hồ Hoàn Kiếm vào khoảng năm 1846; với quy mô gần 180 gian, 36 nóc nhà trên khu đất rộng gần 100 mẫu, mặt trước trông ra Sông Hồng, mặt sau dựa vào hồ Hoàn Kiếm. Bên mặt chùa có hào nước uốn quanh, trong hào trồng sen nên thời bấy giờ người ta còn gọi là chùa Liên Trì (chùa Ao Sen). Ngoài ra, chùa Báo Ân còn được gọi bằng một số tên khác như chùa Quan Thượng, chùa Thụy Hình.

Với vị trí đặc địa ngay cạnh hồ Gươm linh thiêng, chùa Báo Ân xưa được ví như “động tiên” giữa chốn kinh kỳ với những câu ca truyền tụng như:

“Gìn xa nô nức tung bừng

Vào chùa Quan Thượng xem bằng động tiên”.

Quang cảnh thanh tịnh, đẹp đẽ của chùa Báo Ân khi ấy đã đi vào trong dân gian bằng những câu ngợi ca hết lời:

“Phong quang cảnh trí trăm đường

Trong xây chín gióng, ngoài tường lục lã

Rõ mùi của động tung bừng

Đền vàng tòa ngọc chót tưng như nôm”.

Chùa Báo Ân được xây dựng năm 1846 do Tổng đốc Nguyễn Đăng Giai đứng ra chủ trì. Người có công xây dựng nên ngôi chùa lớn bậc nhất thời bấy giờ, Nguyễn Đăng Giai vốn là người làng Phù Chánh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ông xuất thân trong một danh gia vọng tộc, ông nội là tiến sĩ Nguyễn Đăng Hoàn, cha ông là Hiệp biện đại học sĩ Nguyễn Đăng Tuân (là thầy dạy học của Vua Thiệu Trị). Thuở nhỏ, Nguyễn Đăng Giai theo học với cha, năm Minh Mạng thứ nhất (1820), ông đỗ hương tiến (cấp nhân) rồi lần lượt được bổ nhiệm các chức quan quan trọng trong triều Nguyễn. Ông là vị danh thần có nhiều công lao to lớn trong việc dẹp nạn cướp, chấn chỉnh binh thủy, tiêu trừ nhiều nạn những nhiều hại dân, dẹp nhiều cuộc nổi loạn, mở nhà dưỡng tử cho nhân dân mất mùa, đói kém... Năm Bính Ngọ 1846, dưới triều Thiệu Trị, Nguyễn Đăng Giai khi ấy giữ cương vị Tổng đốc Hà Ninh (Hà Nội và Ninh Bình) đã đứng ra chủ trì, quyên tiến cho việc xây dựng chùa Báo Ân với quy mô to lớn.

Ngôi chùa lớn bậc nhất Hà thành bấy giờ được đặt tên là chùa Báo Ân hàm chứa nhiều nội hàm sâu xa trong Phật pháp. Thượng tọa Thích Bào Nghiêm (Trụ trì chùa Bằng, ngôi chùa có tháp Báo Ân được xếp kể lục Tháp Phật giáo cao nhất Việt Nam) cho hay, từ Báo Ân trong ý nghĩa nhà Phật có hàm ý nhắc nhở mọi người sống trên đời phải nhớ đền tứ trọng ân gồm: ân tổ quốc, ân cha

mẹ, ân tam bồ, ân chúng sinh.

Báo đáp Tứ trọng ân là bần ân lớn nhất, trọng đại nhất của đời người mà bất cứ ai cũng không thể nguôi quên, có lẽ là ý nghĩa sâu xa của vị quan Tổng đốc xưa khi quyết tâm đi ngược dòng thịnh hành của Nho gia thời bấy giờ mà xây dựng nên ngôi chùa Báo Ân bệ thế giữa lòng Hà Nội. Quy mô, bệ thế bậc nhất Hà thành, chỉ sau một năm tập trung công sức và tiền của, chùa Báo Ân đã được khánh thành vào năm Thiệu Trị thứ 7 (năm 1847).

Theo những tư liệu còn lại đến ngày nay thì chùa Báo Ân khi xưa nhìn từ con đường ven hồ phía đông dẫn vào chùa có tháp Hòa Phong, sau đó đến cổng chùa, rồi vượt qua chiếc cầu đúc lát gạch thì đến lưu hộ pháp, hai bên có bần ngọn tháp đối xứng cao ba tầng. Tiếp đó là “Đại hùng bửu điện” tôn trí nhiều pho tượng Phật, tượng Bồ Tát được chạm tác bởi những nghệ nhân tài hoa nhất. Chùa còn có hành lang tô đắp, chạm trổ công phu “Thập điện Diêm Vương”, mô tả sự quở báo trong chốn địa ngục khỉ sai. Phía sau có điện thờ Thánh mẫu, nhà tăng xá, nhà trai đường...

Tháng 11-1885, công việc đắp đắp, cạp hồ Gươm và lấp các chõ trống. Toàn quyền De Lanessan ra lệnh đắp các nhà lá quanh hồ.

Năm 1888, Pháp đã phá hủy chùa để xây nhà bưu điện (nay là Bưu điện Thành phố Hà Nội) và Phủ Thống sứ Bắc Kỳ (nay là Nhà khách Chính phủ). Chỉ còn Tháp Hòa Phong phía sau chùa còn giữ lại, nay ở trên bờ hồ Hoàn Kiếm. Vì chùa có hào nước trong sen bao quanh nên chùa còn có tên Liên Trì, có nghĩa là “Ao sen”.

Đêm 22-1-1891, 300 nóc nhà ở Cầu Gỗ, Hàng Bè, Hàng Mắm, Hàng Thùng, Hàng Vôi đã cháy trụi. Đêm 28-1-1891, vụ cháy thứ hai tiêu hủy cả thôn Cự Lâu. Chùa Báo Ân chỉ là mảnh đất hoang tàn.

Theo một bức ảnh được sưu tầm chụp mặt trước của chùa thì trên cổng Tam Quan của chùa có bần chữ trên bần là “Phương Tiện Pháp Môn” (□□□□), chữ Nho ngày xưa viết ngược từ phải qua trái, trích từ Kinh Pháp Hoa nhà Phật, ý nói “Cách dẫn dắt đến

đạt được Phật pháp”, “Đây là cánh cửa mà bước vào thì dẫu đang đạt pháp”. “Phương Tiện Pháp Môn” còn có nghĩa thứ hai là “Các thức dẫu đang đi đạt mục đích”.

Có cái lạ là tuy tên tháp là Hòa Phong nhưng tuyệt không thấy chữ nào ghi là Hòa Phong cả.

Dòng chữ phía dưới cùng là: Báo Ân Môn (報恩門) viết kiểu Khmer thư

Dòng chữ phía trên cùng lại là: Báo Thiên Tự (報天寺) viết kiểu Khmer thư

Chữ 佛 giữa viết kiểu Triện Văn hình như chữ Phật.

Chúng tôi chữ Môn này dùng chung cho chùa này

Tuy chùa do người Pháp triệt hạ năm 1889, song cũng chính nhờ những sách báo và tranh ảnh của họ để lại mà ngày nay chúng ta có được một ý niệm về ngôi chùa nổi tiếng mà họ mệnh danh là Pagode des Supplices (chùa Thụ hình). Theo tác giả Halais thì chùa sơ dĩ mang tên Thụ hình vì hai tấm vách ván (panneaux) chạm nổi, chiều cao ba thước chiều dài năm thước, tạc cảnh tượng Phật ngài phán xét những hành động của người dương thế: ai thiện được lên Thượng giới, kẻ ác bị đày xuống phía chân vách, có quỳ sớ áp dụng những cực hình xét ra còn thêm khốc bằng mấy cực hình của Pháp đình tôn giáo Âu châu thời Trung cổ.

Masson cho biết thêm chùa xây ở mé đông nam hồ Hoàn Kiếm, xung quanh có hồ sen bao bọc, trông giống như một vòng hoa nên có tên là Liên trì. Chùa thờ những bức tượng bằng gỗ hay bằng đá diển cảnh thụ hình ở địa ngục. “Những tác phẩm điêu khắc kỳ hình dị dạng, khó tả nên lời, nhưng không thiếu vẻ tinh xảo, vượt xa những tấm bích họa không khi nào nhợt nhạt của các nghệ sĩ Âu châu thời Trung cổ”. Cũng lạ là một ngôi chùa được ta đặt tên là “Báo Ân” lại chôn đi lại những nhân tượng hải hùng trong lòng người Pháp.

Bác sĩ Hocquard, y sĩ trưởng (médecin major) trong đoàn quân

viên chinh Pháp, là người đã từng chụp ảnh chùa khoảng 1882-1883. Ảnh lâu ngày đã mờ nhạt, những cái chúng ta thấy in trên sách báo phần nhiều là tranh vẽ lại theo ảnh của Hocquard. Chính Hocquard cũng là một trong những người đầu tiên mô tả chùa tím, theo đúng phong cách Âu Tây:

“Từ xa, tím tím khách thập phương đã bị những cái tháp chuông, cột trụ, tiều tháp thu hút. Bước vào chánh điện, quy mô rộng lớn, giữa những hàng cột vàng son lộng lẫy, có đôn trên hai trăm pho tượng thếp Phật sắp hàng. Chính giữa là bàn thờ Đức Phật Thích Ca, cao 1m50, dát vàng từ đôn đôn chân, ngai trên tòa sen, đôi mắt lim dim nhìn xuống lòng bàn tay đặt ngai trên đôn gỗ. Hai đại đệ tử đứng hầu hai bên.

Vây quanh mấy pho tượng trung tâm này, la liệt những tượng chư thánh tăng đặt trên các bàn thờ riêng biệt, chạy dài dọc theo tường vách, trông như một cảnh tọa đang chăm chú. Có những lão trượng khố kính, những ông quan mặc triều phục tay cầm hốt hay bưng lư hương, những tu sĩ khố hạnh đang ngai tĩnh tọa, tham thiền nhập định. Tuy họ chỉ mới đạt được bước đầu công phu giác ngộ Phật pháp song đã đủ tài chớ ngự được các loài mãnh thú đi hình là những con hổ, con trâu nằm phục dưới chân.

Dáng dấp và cách trang phục pho tượng chính giống kiểu Ấn Độ. Tượng Phật ở Bắc kỳ chẳng khác gì ở các chùa bên Tích-lan hay Tân-gia-ba. Chỉ những pho tượng phụ mới thay đổi, hết như tượng của Trung quốc.

Chùa đã xiêu đổ và không còn mấy người bôn xứ đủ khả năng ghi thích những điển tích nhà Phật thể hiện qua các pho tượng”.

Paul Bourde, phái viên tờ Thời báo, đi sâu hơn vào khía cạnh kỹ thuật: “Tượng bằng gỗ phủ một lớp sơn màu hay quang thếp khá dày, có pho lại tô một chất liệu gì giống như stuc (đá hoa gi?)”. Vì lớp sơn phủ bên ngoài quá dày nên những nét đục chạm sắc bén trở nên tròn nhẵn, những đường rãnh sâu trũng bị lấp bằng, xóa mất các nét gân guốc, sắc cạnh của lưỡi dao nhà điêu khắc. Loại stuc không thích hợp với thuật đắp tượng diên

khỏi mạnh bạo.

Nhiều pho tượng, qua những tâm trạng biêu lộ trên nét mặt, những tư thái tự nhiên, rất đáng chú ý. Đứng sánh bên thì tượng của chùa Bách ngũ thôn ở Quảng Đông chỉ là những tác phẩm vụng vù, thô kệch, bết thành dạng. Nghệ thuật tạo hình cũng như nghệ thuật khảm xà cừ của họ tỏ ra thực sự đặc sắc.

Người tạc tượng nay đã mất hoặc xiêu tán. Tuy nhiên, tôi rất muốn tìm hiểu cung cách làm việc của những nghệ nhân chân chính này, xem họ bị giằng xé đến mức nào giữa những quy tắc rập theo khuôn mẫu cũ truyền và khuynh hướng tôn trọng thiên nhiên. Tôi có cảm tưởng đôi phen sự thật đã làm họ phải khóc khoai.”

Nếu ta biết Bourde thường tỏ ra rất miệt thị dân “bần xứ” thì mới thấy những câu phê bình trên đây là những lời “vàng ngọc”! Hiện nhiên phẩm chính nghệ thuật của các nghệ nhân đã “chinh phục” được Bourde tới mức chịu nhìn nhận tác phẩm của những người này đã đáp ứng tiêu chuẩn trình độ thẩm mỹ của phái viên “thông kim bác cổ” tờ Thời báo. Ngày nay ai ai cũng ca tụng tượng Phật chùa Tây phương, có biết đâu xưa kia còn bao nhiêu tác phẩm có lẽ cũng độc đáo không kém của các nghệ sĩ vô danh khác đã bị mai một chỉ vì không được báo tởn.

R. Bonnal, Trú sứ Hà Nội (1883-1884), một trong những viên chức hành chính dân sự đầu tiên của Pháp ở Bắc kỳ, cho rằng chùa Thụ hình có những sắc thái đúng với mỹ quan của dân Việt, và nhìn nhận nó có một giá trị lịch sử. Theo ý ông thì tất cả các ngôi chùa ở Việt Nam đều là những di sản văn hóa rất nên báo trọng và tu bổ.

Chỉ năm chục năm sau khi chùa bị triệt hạ, Claude Bourrin vẫn còn than tiếc “cái quy định phá hủy chùa là một quy định không sao gì thích nổi, và đáng tiếc vô cùng!”. Claude Bourrin không phải là người Pháp duy nhất tỏ ý than phiến.

[Theo Internet](#)